

Bản án số: 158/2022/HS-ST

Ngày 05 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kèn
2. Bà Hồ Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Phương Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố
Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:
121/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 147/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Việt A; tên gọi khác: không; sinh ngày 22 tháng 02 năm 1984, tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 5, khu 1, T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị L1; có vợ Nguyễn Thị Hồng H và có 01 con sinh năm 2015; tiền án: ngày 31/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 05 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 27/01/2022, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 16/7/2018; tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 19/9/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 24 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 01/02/2005, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 21/12/2005.

Ngày 28/6/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và xử phạt 01 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 năm tù. Ngày 11/9/2014, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Đã chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 26/12/2006.

Bị bắt từ ngày 19/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bùi Đức M; tên gọi khác: không; sinh ngày: 01/10/1977, tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 4A, khu 1A, phường H2, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: phòng 702, tòa B Chung cư Lideco, thuộc tổ 5, khu 2, phường T2, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Phạm Thị M1; có vợ là Nguyễn Thị Thu H2 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 11/6/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 24 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 31/8/2004, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 25/8/2003.

Ngày 16/11/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 30 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 30/8/2008, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 11/01/2007.

Bị bắt ngày 19/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Nguyễn Thị L; tên gọi khác: không; sinh ngày 15 tháng 9 năm 1979, tại tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 5, khu 2, phường Y, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị T2; chồng con: chưa có; tiền án: ngày 18/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 36 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 14/02/2021, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 25/12/2018; tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/4/2009, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 30 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 30/3/2011, chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Chấp hành xong

phần thi hành án dân sự ngày 30/7/2009; bị bắt ngày 19/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

4. Đoàn Thị M2; tên gọi khác: không; sinh ngày 17 ngày 9 tháng 1996, tại thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu 8, phường PH, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Ngọc T3 và bà Đặng Thị N; có chồng là Bùi Thái D; có 04 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang ngày 18/3/2022, bị tạm giữ đến hết ngày 21/3/2022, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 21/3/2022, hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

5. Vũ Đình A1, tên gọi khác: không; sinh ngày 29 tháng 01 năm 1994, tại thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu Hải Hoà, phường ĐM, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: khu Vạn Yên, phường VH, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình X và bà Đặng Thị M3; vợ: Nguyễn Thị H2 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 19/3/2022 hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

6. Trần Văn D; tên gọi khác: không; sinh ngày 19 tháng 3 năm 1978, tại thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: tổ 4, khu 3, phường BC, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Phạm Thị H3; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T3; có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị bắt ngày 19/3/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Hạ Long; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị H4, sinh năm 1995; nơi thường trú: tổ 36, khu 4, phường CT, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh Lê Đức Th, sinh năm 1995; nơi thường trú: khu 1, phường PH, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn M4, sinh năm 1998; nơi thường trú: khu 5, phường PC, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 18/3/2022, tại phòng trọ thuộc tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy công an thành phố Hạ Long phối hợp với Công an phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Đoàn Thị M1 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để bán. Vật chứng thu giữ của Đoàn Thị M1 01 (một) túi nilon có khóa kẹp, kích thước khoảng (5,7x7) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M1) do M1 tự nguyện giao nộp. Ngoài ra còn thu giữ của M1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0982310014; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0972324523; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng bạc gắn sim số 0986231343.

Khám xét khẩn cấp phòng trọ của Đoàn Thị M1 tại tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1 thu giữ: 01 cân điện tử mini màu đen, 01 cân điện tử mini màu xanh, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 10 vỏ túi nilon.

Tại Cơ quan điều tra, Đoàn Thị M1 khai: vào đầu năm 2022, M1 có thuê căn phòng trọ tại tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1 và trong thời gian này, Mai nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng và bán kiếm lời. Chiều ngày 17/3/2022, M1 ra khu vực Ngã tư Ao Cá, thuộc phường GD, thành phố H1 gặp và mua của một người đàn ông không quen biết 01 túi ma túy, với giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy, M1 cất giấu trong người rồi đi đến chợ GD, thành phố H1 mua 02 cân điện tử và một số vỏ túi nilon với giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) về để cân, chia nhỏ ma túy. Tại nhà trọ, M1 lấy số ma túy trên ra sử dụng một ít. Số ma túy còn lại M1 cất giấu để khi có người hỏi mua thì bán với giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Vũ Đình A1 (là bạn bè quen biết ngoài xã hội) gọi điện nhờ M1 mua hộ 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Do có sẵn ma túy nên M1 hẹn A1 đến phòng trọ để giao dịch. Sau đó, A1 đến nơi hẹn và M1 đã bán cho A1 01 túi ma túy, với giá 500.000 đ (*năm trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/3/2022, M1 gọi điện cho Nguyễn Thị L (là bạn bè quen biết ngoài xã hội) hỏi mua ma túy, L đồng ý và hẹn M1 đến nhà L ở dốc Núi Mắm Tôm thuộc tổ 5, khu 2, phường YK, thành phố H1 để giao dịch. Trong lúc đó, A1 đến phòng trọ của M1 chơi thì M1 có nhờ A1 lấy xe mô tô chở đến dốc Núi Mắm Tôm (M1 không nói cho A1 biết đi mua ma túy). Khi đến nơi, M1 một mình đi vào nhà L gặp và mua của L 01 túi ma túy, với giá 2.100.000đ (*hai triệu một trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy, M1 cầm túi ma túy về cất giấu tại phòng trọ thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ.

Căn cứ vào tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra bắt, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Vũ Đình A1 ở khu Hải Hoà, phường ĐM, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh, thu giữ của A1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, đã qua sử dụng, gắn sim số 0366190092.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Đình A1 khai nhận phù hợp như Đoàn Thị M1 khai, về việc tối ngày 17/3/2022, tại phòng trọ thuộc tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1, M1 có bán cho A1 01 túi ma túy, với giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*). Sau đó, A1 cầm về nhà lấy ra một ít sử dụng, số còn lại A1 cất giấu trong người để sử dụng dần. Khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 18/3/2022, Ánh gặp Trần Văn D ở ngõ gần quán Karaoke Phương Thảo, thuộc tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1. Tại đây, A1 đã bán cho D túi ma túy trên với giá 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Tiếp đó, vào khoảng 21 giờ 15 phút ngày 18/03/2022, tại khu vực trước cổng dãy phòng trọ thuộc tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long kiểm tra hành chính Trần Văn D, thu giữ trên mặt chậu hoa, ngay cạnh chỗ D đứng có 01 (một) gói giấy bên trong có 01 (một) túi nilon có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M2).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Trần Văn D, thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0904110503 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng, đã qua sử dụng, gắn sim số 0824339076.

Tại Cơ quan điều tra, D khai nhận: Vào khoảng 20 giờ 15 phút ngày 18/3/2022, tại ngõ gần quán Karaoke Phương Thảo thuộc tổ 9, khu 6, phường GD, thành phố H1, D gặp và mua của Vũ Đình A1 01 túi ma túy, với giá 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được ma túy, D cầm theo người rồi đi tìm nơi sử dụng thì bị Công an bắt giữ.

Căn cứ vào lời khai của Đoàn Thị M1 và những tài liệu liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp nơi ở đối với Nguyễn Thị L, tại tổ 5, khu 2, phường YK, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh. Thu giữ tại tay phải của L 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2x2) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) (kí hiệu M3). Thu tại ngăn trên cùng tủ nhựa đựng quần áo của Nguyễn Thị L 01 hộp giấy màu da cam, bên trong có 01 túi nilon kích thước khoảng (2x2) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M4); 01 túi nilon kích thước khoảng (3x3) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy) (kí hiệu M5); 01 (một) cân điện tử mini màu xanh; 01 cân điện tử mini màu bạc; 20 vỏ túi nilon. Thu tại đầu giường ngủ của Nguyễn Thị L 01 (một) hộp giấy màu

đen, bên trong có: 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (8x8) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M6); 01 (một) túi nilon kích thước khoảng (2x2) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M7); 02 (hai) túi nilon kích thước mỗi túi khoảng (1,5x2) cm, bên trong mỗi túi đều có chứa chất tinh thể màu trắng (nghỉ là ma túy) (kí hiệu M8, M9); thu tại túi quần bên phải của Lan 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh, đã qua sử dụng, gắn sim số 0865903960 và số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị L khai phù hợp như Đoàn Thị M1 khai, về việc: vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/3/2022, tại nhà Lan thuộc tổ 5, khu 2, phường YK, thành phố H1, Lan bán cho M1 01 túi ma túy, với giá 2.100.000đ (*hai triệu một trăm nghìn đồng*). Ngoài ra, L còn khai trước đó vào chiều ngày 11/3/2022, Lan gọi điện cho Bùi Đức M hỏi mua 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) ma túy, M đồng ý và hẹn L đến bãi đất trống gần khu vực chung cư Lideco thuộc tổ 5, khu 2, phường T1, thành phố H1 sẽ có bạn của M (sau này biết tên là Nguyễn Việt A) để giao dịch. Sau đó, L đến chỗ hẹn, gặp và mua của Nguyễn Việt A 01 túi ma túy, với giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Sau khi mua được ma túy, L cầm về nhà sử dụng hết. Đến khoảng 15 giờ ngày 18/3/2022 tương tự như lần trước đó, L gọi điện cho M hỏi mua 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) ma túy. M đồng ý và hẹn L đến địa điểm trước đó để giao dịch. Sau đó, Lan đến nơi hẹn gặp và mua của Việt A 01 túi ma túy, với giá 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*). Sau khi mua được ma túy, Lan cầm theo người rồi đi bộ vào Chợ Hạ Long II, thành phố H1 mua được 02 cân điện tử mini và một số túi nilon với giá 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và về nhà. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, Đoàn Thị M1 là bạn quen biết ngoài xã hội gọi điện hỏi mua ma túy. L đồng ý và hẹn đến nhà L để giao dịch. Sau đó, L lấy túi ma túy ra chia một phần để bán cho M1, phần còn lại L chia thành 06 túi nhỏ, mục đích để bán với giá từ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đến 700.000đ (*bảy trăm nghìn đồng*)/túi và cất giấu trong phòng ngủ. Một lúc sau M1 đến nhà L gặp và mua của L 01 túi ma túy, với giá 2.100.000đ (*hai triệu một trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 19/3/2022, L cầm theo người 01 túi ma túy rồi đi xuống chân dốc Núi Mắm Tôm để xem có ai hỏi mua sẽ bán với giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), nhưng chưa kịp bán thì bị Công an bắt giữ.

Căn cứ lời khai của Nguyễn Thị L, Cơ quan điều tra bắt khẩn cấp Nguyễn Việt A, Bùi Đức M và khám xét khẩn cấp nhà của Bùi Đức M. Thu giữ tại túi quần bên trái của Nguyễn Việt A 01 túi nilon kích thước (4,6x5) cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M1); thu tại túi quần phía trước bên phải của Minh 01 túi nilon kích thước (2,5x2,5) cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M2). Thu tại ngăn ngoài cùng của tủ gỗ ngăn giữa buồng

khách và buồng ngủ trong căn hộ 01 túi nilon kích thước (2,3x2,3) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (kí hiệu M3) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; thu của M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng gắn sim số 0342999246; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen gắn 02 sim số 0364355678, 0782277555 và số tiền 3.050.000đ (*ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Thu của Việt A: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng gắn sim số 0967340684; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh, gắn sim số 0967278646 và số tiền 7.200.000đ (*bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Việt A và Bùi Đức M khai nhận: đầu tháng 3 năm 2022, Việt A đến ở tại phòng 702, tòa B Chung cư Lideco, phường T1, thành phố H1 là nhà của M. Tại đây, Việt A bàn với M mua ma túy về bán kiếm lời và thỏa thuận Việt A là người bỏ tiền ra mua ma túy, M là người giới thiệu khách mua ma túy. Việt A trả công M bằng cách cho M ma túy sử dụng. Sáng ngày 09/3/2022, Việt A đi mua ma túy về và lấy ra một ít cho cả Việt A và M sử dụng. Số ma túy còn lại Việt A cất giấu để bán. Đến chiều ngày 11/3/2022, M bảo Việt A cầm 01 túi ma túy bán cho L, với giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*). Tiếp đó, vào khoảng 15 giờ, ngày 18/3/2022, M bảo Việt A cầm 01 túi ma túy bán cho L, với giá 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*). Sáng ngày 19/3/2022, Việt A đã cho M 01 túi ma túy, M sử dụng một ít rồi cất giấu số ma túy còn lại vào ngăn ngoài cùng của tủ gỗ giữa phòng khách và phòng ngủ, mục đích để bán với giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Đến khoảng 16 giờ, M cầm 01 túi ma túy nhỏ, Việt A cầm 01 túi ma túy to đi xuống bãi đất trống để bán cho khách. Đến 17 giờ 20 phút cùng ngày, khi M và Việt A đang đứng ở bãi đất trống thì bị Công an bắt giữ. Ngoài ra, Nguyễn Việt A còn khai về nguồn gốc ma túy bán cho Lan vào các ngày 11/3/2022 và ngày 18/3/2022 và nguồn gốc ma túy thu giữ của M và Việt A là do Việt A mua của một người đàn ông không quen biết tại khu vực ngõ 30 đường tàu, thành phố Hải Phòng với giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và 5.000.000đ (*năm triệu đồng*).

Kết luận giám định số 508/KL-KTHS ngày 25/3/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: mẫu vật kí hiệu từ M1 đến M9 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng như sau: M1: 1,317 gam; M2: 0,271 gam; M3: 0,376 gam; M4: 0,319 gam; M5: 0,704 gam; M6: 1,078 gam; M7: 0,329 gam; M8: 0,184 gam; M9: 0,187 gam.

Kết luận giám định số 509/KL-KTHS ngày 25/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: mẫu vật kí hiệu từ M1, M2, M3 gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine; khối lượng như sau: M1: 4,921 gam; M2: 0,574 gam; M3: 0,156 gam.

Tại Cáo trạng số: 127/CT-VKSHL ngày 01/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố Nguyễn Việt A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Bùi Đức M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thị L, Đoàn Thị M1, Vũ Đình A1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Trần Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Việt A từ 09 năm tù đến 10 năm tù.

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức M từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Thị M1 từ 30 tháng đến 36 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đình A1 từ 24 tháng đến 30 tháng.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: do các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- + Tịch thu tiêu hủy 4,31 gam Methamphetamine trong phong bì niêm phong số 508/KL-KTHS và 5,49 gam Methamphetamine trong phong bì niêm phong số 509/KL-KTHS; 04 cân điện tử; 02 hộp giấy; 30 vỏ túi nilon; 02 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

+ Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0982310014 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng bạc gắn sim số 0986231343 thu của bị cáo M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh gắn sim số 0366190092 thu của bị cáo A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh gắn sim số 0865903960 thu của bị cáo L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng gắn sim số 0967340684 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh gắn sim số 0967278646 thu của bị cáo Việt A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng gắn sim số 0342999246 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen gắn sim số 0364355678 và 0782277555 thu của bị cáo M;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 6.000.000 đồng thu của Việt A và 300.000 đồng thu của L; truy thu của L: 1.800.000 đồng, M1: 500.000 đồng, A1: 300.000 đồng.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: trả lại cho Mai 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0972324523; trả lại cho D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen gắn sim số 0904110503 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng hồng gắn sim số 0824339076; trả lại cho M số tiền 3.050.000 đồng; trả lại cho Việt A số tiền 1.200.000 đồng.

Quá trình khai báo các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, việc bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, việc khai báo tự nguyện không bị ép buộc.

Những người làm chứng - chị Lê Thị H2, anh Lê Đức Th, anh Nguyễn Văn M4 đều có lời khai: khoảng 20 giờ 50 phút ngày 18/3/2022, khi chị H2, anh Th, anh M4 đang ở phòng trọ cùng với Đoàn Thị M1 thì công an đến kiểm tra nhân khẩu tại phòng trọ, M1 tự nguyện giao nộp 01 túi nilon bên trong có chất tinh thể màu trắng, 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone. M1 khai với công an đó là ma túy M1 cất giấu mục đích để bán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành

vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản ảnh vật chứng, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trong ngày 11/3/2022 và ngày 18/3/2022, tại bãi đất trống gần khu vực chung cư Lideco thuộc tổ 5, khu 2, phường T1, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Việt A và Bùi Đức M đã 02 lần bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Thị L, mỗi lần bán 01 túi với giá 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) và 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*). Ngoài ra, Việt A và M còn có hành vi tàng trữ trái phép 5,651 gam (*năm phẩy sáu năm một gam*) ma túy, loại Methamphetamine khi bắt giữ và tại nơi ở thuộc tổ 5, khu 2, phường T1, thành phố H1, nhằm mục đích để bán.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/3/2022, tại tổ 5, khu 2, phường YK, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị L có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy với giá 2.100.000đ (*hai triệu một trăm nghìn đồng*) cho Đoàn Thị M1. Ngoài ra, L còn có hành vi tàng trữ trái phép 3,177 gam (*ba phẩy một bảy bảy gam*) ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để bán.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 17/3/2022, tại tổ 9, khu 6, phường GĐ, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh, Đoàn Thị M1 có hành vi bán trái phép 01 túi ma túy, với giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*) cho Vũ Đình A1. Ngoài ra, tại địa điểm trên, Đoàn Thị M1 còn có hành vi tàng trữ trái phép 1,317 gam (*một phẩy ba một bảy gam*) ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để bán. Trong quá trình điều tra Vũ Đình A1 có lời khai thống nhất với Đoàn Thị M1 về nội dung tối ngày 17/3/2022, Mai bán cho Ánh 01 túi ma túy với giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*).

Khoảng 20 giờ 15 phút, ngày 18/3/2022, tại tổ 9, khu 6, phường GĐ, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Đình A1 có hành vi bán trái phép 0,271 gam (*không phẩy hai bảy một gam*) ma túy, loại Methamphetamine, với giá 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) cho Trần Văn D, sau đó D cầm số ma túy trên đi tìm nơi sử dụng thì bị Công an bắt giữ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Việt A, Bùi Đức M đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật

Hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị L, Đoàn Thị M1, Vũ Đình A1 đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trần Văn D đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo Nguyễn Việt A, Bùi Đức M, Nguyễn Thị L đều có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử, đã được giáo dục cải tạo nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng mà lại tiếp tục phạm tội nên cần xử các bị cáo mức án nghiêm mới phù hợp với nhân thân, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo.

Trong vụ án này, chỉ có bị cáo Nguyễn Việt A và Bùi Đức M đồng phạm với nhau và cùng phải chịu trách nhiệm về hành vi hai lần bán ma túy cho Nguyễn Thị L. Đánh giá vai trò thì thấy Nguyễn Việt A là người khởi xướng, bỏ tiền và trực tiếp đi mua ma túy về để bán kiếm lời, trực tiếp bán ma túy cho người mua và cầm tiền, trả công cho M nên giữ vai trò đầu và có mức hình phạt nặng nhất. Bị cáo Bùi Đức M là người giới thiệu khách mua ma túy và được Nguyễn Việt A trả công bằng cách cho M ma túy sử dụng nên mức hình phạt của M thấp hơn Việt A. Ngoài ra, Nguyễn Việt A và Bùi Đức M còn có hành vi tàng trữ trái phép 5,651 gam (*năm phẩy sáu năm một gam*) ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để bán. Do vậy, Nguyễn Việt A, Bùi Đức M phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Nguyễn Việt A ngày 31/5/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 05 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên Nguyễn Việt A còn phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi mà các bị cáo Nguyễn Thị L, Đoàn Thị M1, Vũ Đình A1, Trần Văn D đã thực hiện độc lập với nhau, nên phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với khối lượng ma túy mà các bị cáo đã tàng trữ, đã bán và tàng trữ để bán, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự với hành

vi một lần bán ma túy cho Đoàn Thị M1 và hành vi tàng trữ trái phép 3,177 gam (*ba phẩy một bảy bảy gam*) ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để bán.

Bị cáo Đoàn Thị M1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự với hành vi một lần bán ma túy cho Vũ Đình A1 và hành vi tàng trữ trái phép 1,317 gam (*một phẩy ba một bảy gam*) ma túy, loại Methamphetamine, nhằm mục đích để bán.

Bị cáo Vũ Đình A1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự với hành vi một lần bán ma túy cho Trần Văn D.

Bị cáo Trần Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo: bị cáo Nguyễn Thị L có một tiền án, ngày 18/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xử phạt 36 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nhưng lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Việt A, Bùi Đức M, Đoàn Thị M1, Vũ Đình A1, Trần Văn D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo M có bố mẹ được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đoàn Thị M1 đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng.

[7] Về vật chứng vụ án: 4,31 gam Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 508/KL-KTHS ngày 25/3/2022 và 5,49 gam Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 509/KL-KTHS ngày 25/3/2022 của Phòng

kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh đây là vật cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

02 cân điện tử mini màu xanh, 01 cân điện tử mini màu đen, 01 cân điện tử mini màu bạc, 01 hộp giấy màu cam, 01 hộp giấy màu đen, 30 vỏ túi nilon, 02 bộ sử dụng ma túy đá là công cụ phương tiện các bị cáo dùng để chia, cất giấu ma túy bán và sử dụng ma túy, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7 Plus) màu trắng + kèm 01 sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1114 màu đen + kèm 01 sim có số thuê bao 0982.310.014 thu của Đoàn Thị M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh + kèm 01 sim thu của Vũ Đình A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh than + kèm 01 sim thu của Nguyễn Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7) màu hồng + kèm 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1174 màu đen + kèm 01 sim thu của Nguyễn Việt A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone X) màu trắng + kèm 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen + kèm 01 sim thu của Bùi Đức M đây là phương tiện phạm tội, các bị cáo sử dụng để liên lạc mua, bán ma túy nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Số tiền 300.000 đồng thu của Nguyễn Thị L là tiền bị cáo bán ma túy cho M1 mà có cần tịch thu sung quỹ nhà nước; số tiền 7.200.000 đồng thu của Nguyễn Việt A trong đó có 6.000.000 đồng là tiền bị cáo bán ma túy cho L mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước, 1.200.000 đồng là tiền cá nhân của Việt A không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả cho Việt A; số tiền 3.050.000 đồng thu của Bùi Đức M không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho M.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1190, màu đen + kèm 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng + 01 sim thu của Trần Văn D; 01 điện thoại di động Nokia Model 1203 màu đen + 01 sim có số thuê bao 0372.324.523 thu của Đoàn Thị M1 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu.

[8] Về số tiền do phạm tội mà có:

Vũ Đình A1 bán ma túy cho Trần Văn D hưởng lợi số tiền 300.000 đồng; Đoàn Thị M1 bán ma túy cho Vũ Đình A1 hưởng lợi số tiền 500.000 đồng; Nguyễn Thị L bán ma túy cho Đoàn Thị M1 hưởng lợi số tiền 2.100.000 đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có do đó cần buộc các bị cáo nộp lại số tiền trên để sung ngân sách nhà nước; riêng đối với Nguyễn Thị L đã thu được số tiền

300.000 đồng khi bị bắt nên được trừ đi, do vậy cần buộc Nguyễn Thị L phải nộp số tiền là 1.800.000 đồng.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Long tại phiên tòa đề nghị áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra không làm rõ được người đàn ông đã bán ma túy cho Nguyễn Việt A nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Việt A 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 19/3/2022.

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Bùi Đức M 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 19/3/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị L 04 (bốn) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 19/3/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Đoàn Thị M1 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 18/3/2022 đến ngày 21/3/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Vũ Đình A1 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 19/3/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Văn D 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 19/3/2022.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 4,31 gam Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 508/KL-KTHS ngày 25/3/2022

và 5,49 gam Methamphetamine mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì còn nguyên niêm phong số 509/KL-KTHS ngày 25/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 02 cân điện tử mini màu xanh; 01 cân điện tử mini màu đen; 01 cân điện tử mini màu bạc; 01 hộp giấy (mini hình vuông) màu cam; 01 hộp giấy (mini hình vuông) màu đen; 30 vỏ túi nilon; 02 bộ sử dụng ma túy đá (mỗi bộ gồm bình thủy tinh, ống hút nhựa và ống thủy tinh có bầu tròn).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7 Plus) màu trắng + kèm 01 sim, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1114 màu đen + kèm 01 sim có số thuê bao 0982.310.014 thu của Đoàn Thị M1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh + kèm 01 sim thu của Vũ Đình A1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh than + kèm 01 sim thu của Nguyễn Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone 7) màu hồng + kèm 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1174 màu đen + kèm 01 sim thu của Nguyễn Việt A; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu đen + kèm 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (kiểu dáng Iphone X), màu trắng + kèm 01 sim thu của Bùi Đức M.

Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1190, màu đen + kèm 01 sim và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng + kèm 01 sim cho Trần Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model 1203 màu đen + kèm 01 sim có số thuê bao 0972.324.523 cho Đoàn Thị M1.

(tình trạng vật chứng trên như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 192/BB-THA ngày 26/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long).

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) thu của Nguyễn Thị L; số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) thu của Nguyễn Việt A.

Trả lại cho Bùi Đức M số tiền 3.050.000đ (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); Nguyễn Việt A 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

(theo phiếu nhập kho ngày 28/3/2022 tại kho bạc nhà nước Quảng Ninh; nhập TK: 9911, người giao: Đinh Thế A2 - đơn vị: Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hạ Long; gói gửi mã số 1006, 1007, 1008 và biên bản giao nhận tài sản số 38/2022/BBBG-CQCSĐTCA TP HL ngày 28/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long và Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ninh).

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: bị cáo Vũ Đình A1 có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); Đoàn Thị M1 có nghĩa vụ

nộp số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng); Nguyễn Thị L có nghĩa vụ nộp số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Việt A, Bùi Đức M, Nguyễn Thị L, Đoàn Thị M1, Vũ Đình A1, Trần Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP Hạ Long;
- CQĐT Công an TP Hạ Long, CQTHAHS Công an thành phố Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Cúc

